TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09-8-2022
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

2. Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Quang Tất – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Hoàng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về "*Tranh chấp về ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị L, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Tạ Ngọc H, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phan Thị L trình bày: Chị và anh Tạ Ngọc H kết hôn tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 14/01/2019 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh H ở thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam đến tháng 4 năm 2019

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H ham chơi cờ bạc, rượu chè, không quan tâm chăm sóc chị. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau. Mặc dù vợ chồng đã bỏ qua cho nhau để nuôi dạy con chung nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng trở nên trầm trọng nên đầu tháng 5 năm 2022 chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Tạ Ngọc H.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Tạ Ngọc H trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời điểm chị Phan Thị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống đúng như chị L đã trình bày. Nay chị L xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy anh hoàn toàn nhất trí ly hôn với chị L.

Về con chung: Chị L và anh H thống nhất xác định vợ chồng có hai con chung là Tạ Ngọc N, sinh ngày 23/01/2020 và Tạ Ngọc K, sinh ngày 05/7/2021, hiện nay cả hai cháu đang ở với chị L. Tuy nhiên, anh chị không thống nhất được việc nuôi dưỡng con chung. Chị L xin được nuôi dưỡng cả hai cháu N, K và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/1 cháu/1 tháng, kể từ khi ly hôn đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh H xin được nuôi dưỡng cháu K, đề nghị giao cho chị L nuôi dưỡng cháu N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về con riêng: Chị L, anh H thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị L, anh H thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa

án: Xử thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị L và anh Tạ Ngọc H. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Tạ Ngọc N và cháu Tạ Ngọc K cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/cháu/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về án phí: Chị L và anh H cùng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị L và anh Tạ Ngọc H là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 14/01/2019 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H ham chơi, không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi, chửi nhau. Nay cả chị L và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng nhất trí thuận tình ly hôn. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa chị L và anh H thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh H là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung:* Chị L và anh H có hai con chung là Tạ Ngọc N, sinh ngày 23/01/2020 và Tạ Ngọc K, sinh ngày 05/7/2021, hiện nay cả hai cháu đều đang ở với chị L. Xét yêu cầu về việc nuôi con của anh chị, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như phải tuân thủ theo quy định của pháp luật. Xét thấy từ khi anh chị ly thân nhau đến nay thì cả hai con đều đang ở cùng với chị L và được chị chăm sóc đầy đủ, bản thân chị L đang làm công nhân có thu nhập ổn định, có xác nhận của Công ty TNHH L thuộc Khu Công nghiệp Đồng Văn IV, xã Đại Cương, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; đặc biệt là cả hai cháu N và K đến nay đều dưới 36 tháng tuổi, cần phải có sự chăm sóc trực tiếp của mẹ mới đảm bảo sự phát triển toàn diện của các cháu, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cho chị L được quyền nuôi dưỡng cháu N và cháu K, buộc anh H có trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi

con cho chị L 2.000.000 đồng/1 cháu/1 tháng là hoàn toàn phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Chị L, anh H cùng thống nhất xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí:* Chị L và anh H thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị L và anh Tạ Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cháu Tạ Ngọc N, sinh ngày 23/01/2020 và cháu Tạ Ngọc K, sinh ngày 05/7/2021 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu N và cháu K cho chị L 2.000.000đ (hai triệu đồng)/1 cháu/1 tháng, kể từ tháng 8/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được; phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo định kỳ hàng tháng.

Chị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí:

- Chị Phan Thị L phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000119 ngày 08/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (chị L đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm). Hoàn trả lại cho chị L số tiền 225.000 đồng.

- Anh Tạ Ngọc H phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thạo